TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuyến, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP C, địa chỉ:DSố 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường D, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng: Bà Lê Thanh Mỹ N; địa chỉ: Lầu 8, tòa nhà ACB Tower, 444A-446 Cách mạng tháng 8, phường H, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019); xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến tới hôn nhân. Vợ chồng bà T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 02/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T sinh sống tại phường T. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 6 năm 2018 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, không thống nhất trong việc giải quyết các vấn đề gia đình, công việc và cuộc sống. Vợ chồng đã có nhiều biện pháp để giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện vợ chồng bà T đã ly thân được khoảng 06 tháng. Bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông T, hạnh phúc giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông tên Nguyễn Văn T.

+ *Về con chung*: Bà T và ông Tú có 02 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2003 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 28/10/2009. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức A và Nguyễn Thị Khánh N; bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Theo đơn khởi kiện bà T yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Cụ thể, bà T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất diện tích 175m^2 thuộc thửa đất số 1260, tờ bản đồ số 20 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 796352, số vào sổ CH 04619 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Văn T; chia nợ chung của vợ chồng số tiền 870.000.000 đồng nợ Ngân hàng TMCP C. Tuy nhiên, bà T đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung và nợ chung nên nay bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nêu trên.

Tại phiên tòa bà T trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Việc ông T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Khánh N thì bà T không đồng ý vì hiện nay cháu N đang học ổn định tại phường Tân Hiệp, nguyện vọng của cháu là ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T. Bà T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà T đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện nên tại phiên tòa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai 31/7/2019, biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2019 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng tháng 4/2019 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của ông T (do ông T còn mải chơi, ông T đã đánh bài dẫn đến nợ nần, không quan tâm chăm sóc vợ con). Ông T và bà T hiện vẫn còn ở chung cùng

một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Hiện nay ông T không còn đánh bài và đã tu chí làm ăn kiếm tiền đưa cho bà T để trả nợ, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Ông T xác định còn tình cảm với bà T nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý.

+ *Về con chung*: Ông T và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2003 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 28/10/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T với bà T ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Khánh N; bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức A; ông T và bà T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông T trình bày: Tòa án đã cho vợ chồng thời gian để hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý. Về con chung ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 28/10/2009, ông T không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C trình bày: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị T đã có đơn xin rút yêu cầu về chia số nợ chung nên Ngân hàng xin vắng mặt và không có yêu cầu độc lập đối với số tiền mà ông T, bà T đang nợ Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2003 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 28/10/2009 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung, vay nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp tài sản chung và vay nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn đề nghị Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 02/12/2002 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng từ năm 2018 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong việc giải quyết các vấn đề của gia đình và công việc. Ngoài ra, do ông T không quan tâm chăm sóc vợ con và còn đánh bài dẫn đến nợ nần. Ông T và bà T xác định hiện vẫn còn ở chung cùng một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn thì ông T cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2003 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 28/10/2009. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đức A và Nguyễn Thị Khánh N nhưng ông T chỉ đồng ý cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Cháu A và cháu N có nguyện vọng được sống cùng với bà T. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên, phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Đức A và Nguyễn Thị Khánh N cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Ngày 03/7/2019 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện việc việc phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 175m^2 thuộc thửa đất số 1260, tờ bản đồ số 20 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 796352, số vào sổ CH 04619 do Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên,

tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Văn T và yêu cầu chia nợ chung đối với số tiền 870.000.000 đồng nợ Ngân hàng TMCP C. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật; căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 217 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Toà án chia tài sản chung và nợ chung nêu trên.

[5] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

2. Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2003 và Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 28/10/2009 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

4. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 175m^2 thuộc thửa đất số 1260, tờ bản đồ số 20 tại phường Tân Hiệp, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và yêu cầu chia nợ chung với số tiền 870.000.000 đồng nợ Ngân hàng TMCP C.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 5.300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0036868 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Hoàn lại cho bà Phạm Thị T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

7. Về quyền kháng cáo:

7.1. Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- THADS (01);
- UBND xã G, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (01);
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hiền